

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC

Số: 08/2000/TT-NHNN5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 13/1999/NĐ-CP ngày 17/3/1999 của Chính phủ "về tổ chức hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam"

Căn cứ Điều 41 Nghị định số 13/1999/NĐ-CP ngày 17/03/1999 của Chính phủ "Về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam" (sau đây gọi là Nghị định), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành như sau:

I. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng điều chỉnh của Thông tư

Đối tượng điều chỉnh của Thông tư này bao gồm:

Ngân hàng liên doanh (bao gồm bên Việt Nam và bên nước ngoài);

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng nước ngoài.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức tín dụng phi Ngân hàng liên doanh và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

II. Quy định về thành lập và hoạt động của ngân hàng liên doanh, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Điều kiện để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

1.1 Các điều kiện để Bên Việt Nam và Bên nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh tại Việt Nam:

a) Bên Việt Nam và Bên nước ngoài xin thành lập Ngân hàng liên doanh phải là các ngân hàng hoạt động lành mạnh, có uy tín tại nước sở tại;

b) Có nhu cầu hoạt động ngân hàng trên địa bàn xin hoạt động;

- c) Ngân hàng liên doanh có đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật Việt Nam khi được cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng liên doanh;
- d) Có phương án kinh doanh khả thi khi hoạt động liên doanh tại Việt Nam;
- đ) Có người quản trị điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Ngân hàng liên doanh;
- e) Có điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
- g) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập Ngân hàng liên doanh hoạt động tại Việt Nam.

1.2 Các điều kiện để Ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép mở Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam:

- a. Là một ngân hàng có uy tín;
- b. Có nhu cầu hoạt động ngân hàng trên địa bàn xin hoạt động;
- c. Chi nhánh có đủ vốn được cấp theo quy định của pháp luật Việt Nam khi được cấp giấy phép mở chi nhánh;
- d. Có phương án kinh doanh khả thi tại Việt Nam;
- đ. Có người điều hành có năng lực hành vi dân sự và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của chi nhánh;
- e. Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép mở Chi nhánh ngân hàng hoạt động tại Việt Nam;
- f. Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đảm bảo khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam;
- g. Có văn bản của Ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.

2. Hồ sơ xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

2.1 Hồ sơ xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh

Bên Việt Nam và Bên nước ngoài xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh tại Việt Nam phải gửi Ngân hàng Nhà nước bộ hồ sơ gồm có:

- a) Đơn xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh tại Việt Nam do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền của mỗi bên tham gia

liên doanh cùng ký (Phụ lục số 1 đính kèm);

b) Dự thảo điều lệ của Ngân hàng liên doanh;

c) Phương án hoạt động 3 năm đầu sau khi thành lập;

d) Danh sách, lý lịch, các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng liên doanh;

đ) Danh sách các bên góp vốn, mức góp vốn vào liên doanh;

e) Tình hình tài chính và những thông tin liên quan đến các bên tham gia liên doanh;

g) Ý kiến chấp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của Ngân hàng liên doanh;

h) Điều lệ của ngân hàng nước ngoài;

i) Giấy phép hoạt động của ngân hàng nước ngoài;

k) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép ngân hàng nước ngoài góp vốn thành lập Ngân hàng liên doanh tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nguyên xứ không yêu cầu có văn bản chấp thuận thì phải có bằng chứng xác nhận việc này;

l) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất của ngân hàng nước ngoài;

m) Hợp đồng liên doanh giữa các bên tham gia liên doanh có các nội dung chính sau đây:

Tên, địa chỉ của Ngân hàng liên doanh;

Địa chỉ, đại diện của các Bên tham gia liên doanh;

Thời hạn hoạt động của liên doanh;

Vốn điều lệ: tỷ lệ góp vốn, mức vốn góp của mỗi bên, phương án góp vốn, trong đó ghi rõ số vốn bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam, bằng hiện vật (nếu có);

Quyền và nghĩa vụ của các Bên;

Thủ tục giải quyết những tranh chấp giữa các Bên phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh, thủ tục thanh lý, giải thể, hợp nhất của Ngân hàng liên doanh;

Các điều kiện để sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh;

Số lượng và tỷ lệ thành viên của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc;

Dự kiến số lượng cán bộ, nhân viên thời gian đầu của mỗi bên (số người mang quốc tịch Việt Nam, số người mang quốc tịch nước ngoài)

2.2 Hồ sơ xin cấp Giấy phép mở Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng nước ngoài xin cấp Giấy phép mở Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phải gửi Ngân hàng Nhà nước bộ hồ sơ gồm có:

- a) Đơn xin cấp Giấy phép mở Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký (Phụ lục số 2 đính kèm). Đơn xin cấp Giấy phép mở Chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự (chứng nhận con dấu, chữ ký) trừ trường hợp nước đã ký với Việt Nam điều ước quốc tế có quy định miễn hợp pháp hoá lãnh sự đối với giấy tờ tài liệu;
- b) Phương án hoạt động 3 năm đầu sau khi thành lập;
- c) Điều lệ của ngân hàng nước ngoài;
- d) Bản sao giấy phép hoạt động của ngân hàng nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cấp;
- đ) Văn bản của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cho phép ngân hàng nước ngoài mở Chi nhánh hoạt động tại Việt Nam;
- e) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất của Ngân hàng nước ngoài;
- g) Văn bản của Cơ quan thanh tra, giám sát nước ngoài bảo đảm giám sát hoạt động của Chi nhánh;
- h) Văn bản của Ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của Chi nhánh tại Việt Nam;
- i) Lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (có xác nhận của ngân hàng nước ngoài);
- k) Ý kiến chấp nhận của Uỷ ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự định đặt trụ sở.

3. Quy định về tiếp nhận hồ sơ

3.1. Hồ sơ xin cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng nước ngoài phải lập thành 2 bộ, một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh. Hồ sơ được lập tại nước ngoài phải

được hợp pháp hoá lãnh sự. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được cơ quan công chứng Việt Nam xác nhận;

3.2. Các Bên ngân hàng xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh hoặc Ngân hàng nước ngoài xin cấp Giấy phép mở chi nhánh hoạt động tại Việt nam (sau đây gọi là Giấy phép) gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Các ngân hàng) hai bộ hồ sơ theo quy định tại điểm 3.1.

4 . Xác nhận hồ sơ và thời hạn xem xét cấp Giấy phép

4.1. Ngay sau khi nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng) xác nhận bằng văn bản về tính hợp lệ của hồ sơ cho các bên trong liên doanh hoặc Ngân hàng nước ngoài xin cấp Giấy phép.

4.2. Thời hạn xem xét và cấp Giấy phép: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp Giấy phép của các Bên trong liên doanh hoặc của Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản giải thích lý do.

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh và Giấy phép mở Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp theo mẫu quy định (Phụ lục 3 và Phụ lục 4 đính kèm).

5. Lệ phí cấp Giấy phép

5.1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép, các bên trong liên doanh hoặc Ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải nộp một khoản lệ phí bằng đô la Mỹ vào tài khoản do Ngân hàng Nhà nước chỉ định. Chứng từ nộp lệ phí phải được sao gửi Vụ Các Ngân hàng lưu hồ sơ.

5.2. Mức lệ phí mỗi lần được cấp Giấy phép (hoặc gia hạn Giấy phép) được quy định tại khoản 1, Điều 18 của Nghị định.

5.3. Số lệ phí này không được khấu trừ vào vốn pháp định và không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào.

6. Đăng ký kinh doanh